Hướng dẫn soạn Unit 14 lớp 6 Making plans SGK tập 1 Unit 140-153 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức. Mời các em và thầy cô tham khảo

A. Vacation destinations: Phần 1 - 6 trang 140 - 143 SGK Tiếng Anh 6 Unit 14

Hướng dẫn dịch:

Ba: Bạn dự định làm gì vào kì nghỉ hè này?

Lan: Mình sẽ đi thăm Huế.

Ba: Bạn định ở đâu?

Lan: Mình sẽ ở với cô và chú mình.

Ba: Bạn định ở lại bao lâu?

Lan: Một tuần.

Ba: Bạn sẽ làm gì ở Huế?

Lan: Mình sẽ đi thăm Thành Nội.

2. Answer. Then write the answers in your exercise book. (Trả lời. Sau đó viết các câu trả lời vào vở bài tập của em.)

a) What is Lan going to do? (Lan sẽ làm gì?)

=> She's going to visit Hue.

b) Where is she going to stay? (Cô ấy sẽ ở đâu?)

=> She's going to stay with her aunt and uncle.

c) How long is she going to stay? (Cô ấy sẽ ở bao lâu?)

=> She's going to stay there for a week.

d) What is she going to do? (Cô ấy sẽ làm gì?)

=> She's going to visit the citadel.

3. Write. (Viết)

Prepare a dialogue with a partner. Write it in your exercise book. (Chuẩn bị một đoạn hội thoại với bạn học. Viết nó vào trong vở bài tập của em.)

Ha Long Bay

A: What are you going to do this summer vacation?

B: I'm going to visit Ha Long Bay.

A: Where are you going to stay?

B: I am going to stay in a hotel.

A: How long are you going to stay?

B: For two weeks.

A: What are you going to do?

B: I am going to visit the beach and swim.

4. Listen and read. (Nghe và đọc)

Hướng dẫn dịch:

- Phương và Mai dự định đi nghỉ vào mùa hè này.

Đầu tiên, họ sẽ đến chơi Vịnh Hạ Long hai ngày.

Họ sẽ ở với cô chú của họ.

- Sau đó họ sẽ ở tại một khách sạn ở Hà Nội ba ngày.

Họ sẽ đến thăm Đền Ngọc Sơn.

- Tiếp đó, họ sẽ đến thăm bạn bè ở Huế trong hai ngày.

Họ sẽ đi thăm Thành Nội.

- Sau đó, họ sẽ ở lại nhà một người bạn ở Nha Trang trong ba ngày.

- Cuối cùng, họ sẽ ở với ông bà ở Thành Phố Hồ Chí Minh một tuần.

5. Practice. (Luyện tập)

Make a table of notes about five different places Phuong and Mai are going to visit in their vacation. Use these headings. (Lập bảng ghi chú về 5 địa điểm khác nhau mà Phương và Mai định đến thăm trong kì nghỉ của họ. Sử dụng các tiêu đề:)

- Places they are going to visit. (Địa danh họ sẽ đến thăm.)

- Where they are going to stay. (Nơi họ định ở.)

- How long they are going to stay. (Họ định ở lại bao lâu.)

- What they are going to do. (Họ định làm gì.)

Then ask and answer questions about the table with a partner. (Sau đó hỏi và trả lời các câu hỏi về bảng trên với bạn học.)

- Which place are they going to visit first?

They're going to visit Hạ Long Bay first.

- Where are they going to stay?

They're going to stay with their aunt and uncle.

- How long are they going to stay there?

They're going to stay there for two days.

- Then, where're they going to go?

They're going to Hanoi.

- Where're they going to stay?

They're going to stay in a hotel.

- How long are they going to stay?

They're going to stay for three days.

- What're they going to do?

They're going to see Ngoc Son Temple.

Next, where're they going to go?

....

6. Remember. (Ghi nhớ)

B. Free time plans: Phần 1 - 7 trang 144 - 146 SGK Tiếng Anh 6 Unit 14

1. Listen and repeat. Then practice with a partner. (Lắng nghe và lặp lại. Sau đó luyện tập với bạn học)

Hướng dẫn dịch:

Tuấn: Tối nay bạn sẽ làm gì?

Lan: Mình định làm bài tập về nhà.

Tuấn: Bạn định làm gì vào ngày mai?

Lan: Mai là Chủ Nhật. Mình sẽ đến bạn mình. Sau đó chúng tớ sẽ đi xem phim. Còn bạn thì sao?

Tuấn: Tối nay, mình sẽ chơi cầu lông. Ngày mai, mình sẽ đi xem trận đá bóng.

2. Prepare two dialogues with a partner. Then write them in your exercise book. (Chuẩn bị hai bài hội thoại với bạn học. Sau đó viết chúng vào vở bài tập của em.)

a)

A: What're you going to do tonight?

B: I'm going to see a movie.

A: What're you going to do tomorrow?

B: It's a weekend. I'm going walking. What about you?

A: Tonight, I'm going to do my homework and some English exercises. Tomorrow, I'm going to help my father to repair my bike.

b)

A: What are you going to do tonight?

B: I'm going to help my Mom.

A: What are you going to do tomorrow?

A: It's Sunday. I'm going to play volleyball. What about you?

B: Tonight, I'm going to watch TV. Tomorrow, I'm going to do my homework.

3. Listen and read. Then practice with a partner. (Lắng nghe và đọc. Sau đó luyện tập với bạn học)

Hướng dẫn dịch:

Nga: Chào Ba. Bạn định làm gì vào cuối tuần này?

Ba: Mình sẽ đi xem phim.

Nga: Rạp chiếu phim nào?

Ba: Rạp Sao Mai.

Nga: Bạn sẽ xem phim gì?

Ba: Công viên Khủng long.

Nga: Phim này có hay không?

Ba: Mình không biết nữa.

4. Answer. Then write the answers in your exercise book. (Trả lời. Sau đó viết các câu trả lời vào trong vở bài tập của em)

What are you going to do on the weekend? (Bạn định/sẽ làm gì vào cuối tuần?)

- On Saturday morning, I'm going to jog with my father.

- On Saturday afternoon, I'm going to learn my lessons and do exercises.

- On Saturday evening, I'm going to watch TV.

- On Sunday morning, I'm going to visit our grandparents with my parents.

- On Sunday afternoon, I'm going to do my homework and do exercises.

- On Sunday evening, I'm going to take a look at the lessons again (ôn lại bài) and watch TV.

5. Listen and read. (Nghe và đọc)

Hướng dẫn dịch:

Minh và các bạn của anh ấy sẽ có một chuyến dã ngoại gần một cái hồ.

Nam sẽ mang theo chiếc máy ảnh của anh ấy. Anh ấy sẽ chụp vài tấm hình.

Tuấn sẽ mang theo một ít đồ ăn.

Minh sẽ mang theo một ít đồ uống.

Now, ask and answer: (Bây giờ, hỏi và trả lời:)

- What are Minh and his friends going to do?

=> They're going to have a picnic near a lake.

- What's Nam going to bring?

=> He's going to bring his camera.

- What's he going to do?

=> He's going to take some photos.

- What's Tuan going to do?

=> He's going to bring some food.

- What about Minh?

=> He's going to bring some drinks.

6. Listen.

Vui and her four friends are planning a camping vacation. They are going to camp for three days. What are they going to bring? (Vui và bốn người bạn của cô ấy đang lên kế hoạch đi cắm trại. Họ sẽ đi cắm trại trong ba ngày. Họ định mang theo những thứ gì?)

Listen and match the names with the right pictures. (Lắng nghe và ghép tên đúng với các tranh.)

Vui Ly Lan Mai Nga

Tranh a) - Nga

Tranh b) - Lan

Tranh c) - Vui

Tranh d) - Ly

Tranh e) - Mai

Then write sentences about the five girls. (Sau đó viết các câu về 5 cô gái này.)

Vui is going to bring some food.

Ly is going to bring some drinks.

Lan is going to bring a camera.

Mai is going to bring a tent.

And Nga is going to bring a ball.

7. Remember. (Ghi nhớ.)

C. Suggestions: Phần 1 - 4 trang 147 - 149 SGK Tiếng Anh 6 Unit 14

1. Listen and read. Then practice in groups. (Nghe và đọc. Sau đó luyện tập theo nhóm)

Hướng dẫn dịch:

Ba: Chúng ta sẽ làm gì vào kì nghỉ này?

Lan: Chúng ta hãy đi cắm trại đi.

Nam: Chúng ta không có lều. Đi Huế nhé?

Nga: Mình không muốn đi Huế. Sao chúng ta không đi Chùa Hương?

Ba: Ý kiến hay đấy. Chúng ta sẽ đi bằng phương tiện gì?

Lan: Chúng ta hãy đi bộ đến đó.

Nam: Không, xa quá. Đi bằng xe đạp nhé?

Nga: Không được. Trời quá nóng.

Ba: Chúng ta hãy đi bằng xe buýt nhỏ đi.

Nam: Ừ. Ý kiến hay đấy.

2. Answer. Then write the answers in your exercise book. (Trả lời. Sau đó viết các câu trả lời vào trong vở bài tập của em)

a) What does Nam want to do? (Nam muốn làm gì?)

=> He wants to go to Hue.

b) What does Nga want to do? (Nga muốn làm gì?)

=> She wants to go to Huong Pagoda.

c) How does Lan want to travel? (Lan muốn đi bằng phương tiện gì?)

=> She wants to go on foot.

d) Why doesn't Nam want to walk? (Tại sao Nam không muốn đi bộ?)

=> Because it's too far.

e) How does he want to travel? (Cậu ấy muốn đi bằng phương tiện gì?)

=> He wants to go by bike.

f) Why doesn't Nga want to go by bike? (Tại sao Nga không muốn đi bằng xe đạp?)

=> Because it's too hot.

g) How does Ba want to go? (Ba muốn đi bằng phương tiện gì?)

=> He wants to go by minibus.

3. Look at the pictures. Work with a partner and make suggestions about them. (Nhìn vào tranh. Làm việc với bạn học và đưa ra lời đề nghị cho họ)

Sử dụng: Let's ..., What about ...?, Why don't we ...?

a) Let's go to the beach.

b) Why don't we go to the museum?

c) What about playing volleyball?

d) Let's go to the zoo.

e) Why don't we play tennis?

f) What about going camping?

4. Remember.

Grammar Practice trang 150 - 153 SGK Tiếng Anh 6 Unit 14

1. Present simple tense (thì Hiện tại đơn)

a)

Huong: Do you like sports?

Ba: Yes, I like sports.

Huong: What do you play?

Ba: I play badminton.

Huong: Do you play volleyball?

Ba: No, I don't.

b)

Thu: Does he like sports?

Tuan: Yes, he does. He likes sports.

Thu: What does he play?

Tuan: He plays soccer.

Thu: Does he play tennis?

Tuan: No, he doesn't.

c)

Minh: Do they like sports?

Ha: Yes, they do.

Minh: What do they play?

Ha: They swim.

Minh: Do they dive?

Ha: No, they don't.

dive (v): lặn

2. Adverb of frequency (Trạng từ tần suất)

1) I often watch TV on Saturday evening.

2) I seldom go to the movies.

3) I always help my mom.

d) I sometimes go to the store with my mom.

e) I usually play sports on Sunday morning.

f) I often go fishing in the summer vacation.

g) I nearly always go swimming at weekends.

3. Present progressive tense (thì Hiện tại tiếp diễn)

a)

Hung: What are you watching?

Mai: I'm watching this TV sports show.

Hung: What are they playing?

Mai: They are playing soccer.

Hung: Who is winning?

Mai: My favourite team is winning the match.

TV sports show: chương trình thể thao

match: trận đấu

b)

Vui: What is mom cooking?

Nam: She's cooking a chicken.

Vui: Are we having some rice, too?

Nam: No, we aren't. We are having noodles.

Vui: Is she cooking some vegetables?

Nam: Yes, she is. She's cooking some beans.

c)

Nhan: Are you doing your homework?

Thanh: Yes, I'm doing my math. What are you reading?

Nhan: I'm reading my history book.

4. Future: be going to (thì Tương lai gần)

What are they going to do?

a) They're going to play football.

b) They're going to play tennis.

c) They're going to camp.

d) They're going to swim.

e) They're going to watch TV.

f) They're going to cook.

Complete the dialogue (Hoàn thành đoạn hội thoại)

Han: What are you going to do?

Vui: I'm going to visit Hanoi.

Han: Where are you going to stay?

Vui: I'm going to stay in a hotel.

Han: How long are you going to stay?

Vui: I'm going to stay for a week.

Now answer the questions (Bây giờ trả lời câu hỏi)

a) Vui is going to visit Hanoi.

b) She's going to stay in a hotel.

c) She's going to stay for a week.

5. What is the weather like? (Thời tiết thế nào?)

Answer the question about the weather in your home town (Trả lời câu hỏi về thời tiết ở thành phố quê bạn)

a) In the spring, it's warm.

b) In the summer, it's usually hot.

c) In the fall, it's cool.

d) In the winter, it's always cold.

6. Future plans (Kế hoạch tương lai)

a) I'm going to do my homework.

b) I'm going to visit the museum.

c) I'm going to help my mother with the housework.

d) I'm going to help my father with his farm work.